

## THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

### I. TRI THỨC TIẾNG VIỆT

#### 1. Từ đơn và từ phức (từ ghép, từ láy)

##### a) Ví dụ

##### Ví dụ (1):

“Chàng hăng hái, gan dạ, không nề nguy hiểm”.

( Sự tích Hồ Gươm)



##### Nhận xét:

- Câu có 9 tiếng.
- Các tiếng đơn lẻ tạo thành **từ đơn**: “*chàng, không, nề*”
- Các tiếng kết hợp với nhau về mặt ngữ nghĩa hoặc ngữ âm tạo thành các từ có 2 tiếng trở lên gọi là **từ phức**: “*hăng hái, gan dạ, nguy hiểm*”.
- + Các tiếng có quan hệ với nhau về mặt ngữ âm (quan hệ láy âm) được gọi là từ láy: “*hăng hái*”.

##### Ví dụ (2)

“ Hai ông bà ao ước có một đứa con.”

( Thánh Gióng)

##### Nhận xét:

-Từ ghép: “*ông bà, đứa con*”

+Nghĩa của từ ghép “*ông bà*” rộng hơn so với nghĩa của từng tiếng tạo nên nó (*ông, bà*).

+Nghĩa của từ ghép “*đứa con*” hẹp hơn, cụ thể hơn so với tiếng gốc “*đứa*”.

- Từ láy: “*ao ước*”. Nghĩa của từ láy “*ao ước*” có sự tăng nghĩa so với tiếng gốc ( tiếng có nghĩa) “*ước*”.

## b) Kết luận

- Từ trong tiếng Việt xét theo cấu tạo được chia thành hai loại: từ đơn và từ phức.

+ Từ đơn là từ gồm có một tiếng.

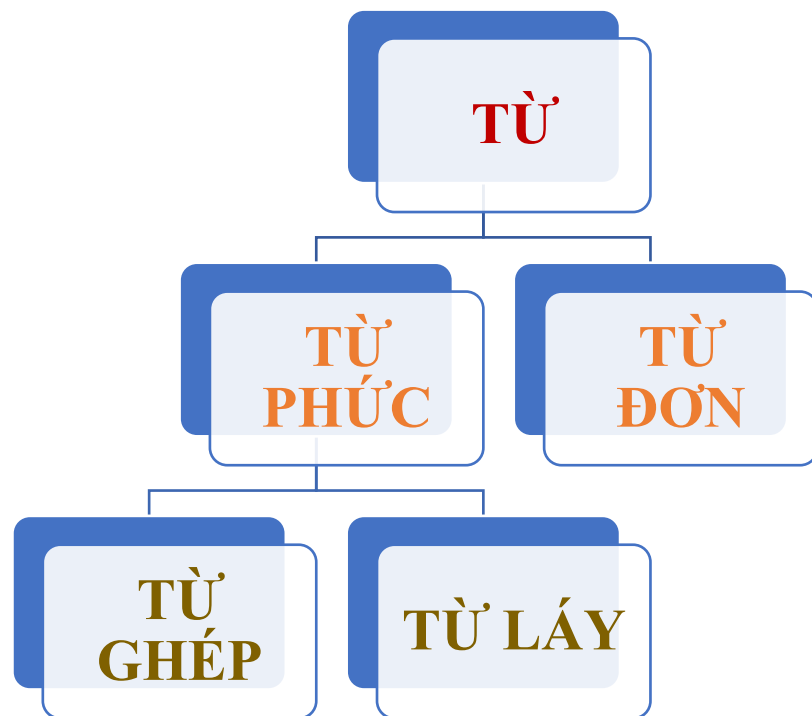
+ Từ phức là từ gồm hai tiếng trở lên.

- Từ phức được chia thành hai loại cụ thể là từ ghép và từ láy.

+ Từ ghép là từ phức có các tiếng được ghép lại với nhau bằng các mối quan hệ về nghĩa ( cụ thể hoặc khái quát).

+ Từ láy là từ phức được ghép lại với nhau bằng các mối quan hệ với nhau về âm (láy âm: láy âm đầu, láy vần, láy cả tiếng).

- Nghĩa của từ ghép thường hẹp hơn nghĩa của tiếng gốc hoặc rộng hơn nghĩa của các tiếng tạo nên nó.



- Nghĩa của từ láy có sự tăng hoặc giảm về mức độ, tính chất, sắc thái biểu cảm so với nghĩa của tiếng gốc (có nghĩa) tạo nên nó.

## 2. Thành ngữ

### a) Ví dụ

“Nhanh như cắt, Rùa há miệng đớp lấy thanh gươm và lặn xuống nước.”

( Sự tích Hồ Gươm)



### Nhận xét:

- Cụm từ “ *nhanh như cắt*” là một cụm từ quen thuộc, được liên kết chặt chẽ, cố định với nhau.

- “ *Nhanh như cắt*” có nghĩa là rất nhanh, không nhất thiết phải hiểu theo cách máy móc là nhanh như con chim cắt.

- Cụm từ “ *nhanh như cắt*” giàu hình tượng, cảm xúc giúp lời nói, bài viết hay hơn, biểu cảm tốt hơn ( người đọc hình dung động tác rất nhanh của Rùa khi nhận lấy thanh gươm).

### b) Kết luận

- Một tập hợp từ cố định, quen dùng tạo thành “ **thành ngữ**”.

- Nghĩa của thành ngữ không phải là phép cộng đơn giản nghĩa của các từ tạo nên nó mà là nghĩa của cả tập hợp từ, có tính hình tượng và biểu cảm.

## II. HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

### 1. Các từ đơn và từ phức trong câu văn:

- **Từ đơn:** vùng, dậy, vuron, vai, một, cái, bỗng, biến, thành, một, mình, cao, hơn, trượng, bước, lên, vồ, vào, mông, ngựa, hí, dài, máy, tiếng, mặc, cầm, roi, nhảy, lên, mình, ngựa.

- **Từ phức:** chú bé, tráng sĩ, oai phong, lẫm liệt, vang dội, áo giáp.

## **2. Các từ ghép và từ láy trong đoạn văn:**

- Từ ghép: giần sàng, bắt đầu, dự thi, nôi còm, thỏi còm, cánh cung, dây lưng.

- Từ láy: nho nhỏ, khéo léo.

## **3. Các từ ghép được tạo nên:**

a. con ngựa, ngựa vằn.

b. ngựa sắt, sắt thép.

c. kì thi, thi đua.

d. áo quần, áo giáp, áo dài.

## **4. Các từ láy được tạo nên:**

a. nho nhỏ, nhỏ nhắn

b. khoẻ khoắn

c. óng ánh (từ láy đặc biệt, vì cùng vắng khuyết phụ âm đầu).

d. dẻo dai

## **5. Câu 5 HS tự làm ở phần Củng cố.**

**6.** Nếu dùng từ “khéo” thay cho từ “khéo léo” trong câu văn trên thì độ “khéo” sẽ giảm xuống, vì:

- “Khéo léo” là từ láy nên có tính tượng hình, nghĩa của từ láy này làm tăng sắc thái ý nghĩa của từ so với tiếng gốc (khéo) tạo nên nó.

- Giúp ta hình dung được sự việc một cách rõ ràng hơn, cho thấy kinh nghiệm và tài năng của các đội thi khi treo những niêu cơm để dụ thi.

**7. Có thể ghép như sau:** 1c, 2đ, 3d, 4b, 5a.

**8. HS tự làm.**

**9. Các thành ngữ như:**

a. Nước: nước chảy đá mòn, nước mặn đồng chua.

b. Mật: nằm gai nếm mật, mật ngọt chết ruồi.

c. Ngựa: ngựa quen đường cũ, ngựa non háu đá.

d. Nhạt: nhạt như nước ốc.

### **III. LUYỆN TẬP Củng Cố**

#### **A- PHÂN TRẮC NGHIỆM**

**1. Từ phức là gì**

- a) Từ có hai tiếng trở lên.
- b) Bao gồm từ ghép và từ láy
- c) Từ có các tiếng có quan hệ về nghĩa
- d) Từ có các tiếng có quan hệ về ngữ âm.

**2. Từ láy có đặc điểm gì về nghĩa?**

- a) Tăng nghĩa so với tiếng gốc tạo nên nó.
- b) Giảm nghĩa so với tiếng gốc tạo nên nó.
- c) Trung hòa về nghĩa so với tiếng gốc tạo nên nó.
- d) Đáp án a và b đúng.

**3. Nghĩa của từ ghép có:**

- a) Nghĩa khái quát hơn so với các tiếng tạo nên nó
- b) Nghĩa cụ thể hơn so với các tiếng tạo nên nó.
- c) Nghĩa khái quát hơn hoặc cụ thể hơn so với các tiếng tạo nên nó.

d) Nghĩa khái quát hơn các tiếng tạo nên nó hoặc cụ thể hơn tiếng gốc tạo nên nó.

**4. Thành ngữ có đặc điểm là:**

- a) Cụm từ cố định.
- b) Thường được sử dụng nhiều, quen thuộc.
- c) Có tính hình tượng, biểu cảm.
- d) Tất cả đều đúng.

**B- PHÂN TỰ LUẬN**

1. Cho câu văn sau: “ Khi tiếng trống hiệu vừa dứt, bốn thanh niên của bốn đội nhanh thoăn thoắt leo lên thân cây chuối rất trơn vì đã bôi mỡ.”.

- a) Tìm từ ghép và từ láy trong câu văn sau
- b) Nếu thay từ “ thoăn thoắt” bằng từ “ nhanh chóng” thì có giúp người đọc hình dung động tác của người dự thi rõ hơn không? Vì sao?
- c) Nếu thay từ “ thoăn thoắt” bằng từ “ thoắt” thì sắc thái ý nghĩa của từ trên sẽ thay đổi như thế nào?

2. Viết ngắn:

Viết một đoạn văn khoảng 150-200 chữ có sử dụng từ ghép, từ láy và thành ngữ (khoảng 1-2 từ mỗi loại) thể hiện cảm nhận của em về lịch sử đất nước sau khi đọc các văn bản *Thánh Gióng*, *Sự tích Hồ Gươm*.



-----

